TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAM RANH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 14/9/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Trần Quốc Hay

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Ông Mai Như Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Không có.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: *122/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023* về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn*: Ông Trần Văn L, Sinh năm: 1969

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông Trần Văn L tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND phường C, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình sống chung với nhau ông L thường xuyên xúc phạm, chửi bới bà thậm tệ, ông L còn xúc phạm gia đình bà. Bà đã nhiều lần cho ông L cơ hội để sửa đổi nhưng ông L vẫn chứng nào tật ấy. Hiện nay bà và ông L không còn sống chung với nhau nữa. Nhận thấy không thể hàn gắn với nhau nên bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho bà và ông L được ly hôn.

Về con chung: Bà T khai bà và ông L không có con chung.

Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn L được Toà án tống đạt văn bản tố tụng nhưng ông từ chối nhận và trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông L cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Trần Văn L vắng mặt, tuy nhiên bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn L tự nguyện kết hôn năm 2018, được UBND phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 17/8/2018 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên xúc phạm, chửi bới bà thậm tệ; bên cạnh đó, ông L còn xúc phạm gia đình bà T. Bà T đã nhiều lần cho ông L cơ hội để sửa đổi nhưng ông L vẫn chứng nào tật ấy. Hiện nay bà T và ông L không còn sống chung với nhau nữa. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và việc ông L từ chối nhận các văn bản tố tụng của của Tòa án và không đến Toà để giải quyết yêu cầu ly hôn với bà T cho thấy ông L không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, có kéo dài để sống chung thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T với ông Trần Văn L.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. ***Về án phí:*** Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại biên lai số AA/2022/0000664 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

3. ***Quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND thành phố Cam Ranh;*
- *Chi cục THADS thành phố Cam Ranh;*
- *UBND phường Cam Nghĩa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Hay